

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MƯỜNG MƯỜN

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH DO MẤT RỪNG VÀ SUY THOÁI RỪNG
GIAI ĐOẠN 2013 – 2020
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ MƯỜNG MƯỜN**

Điện Biên, tháng 02 năm 2014

Danh mục chữ viết tắt

UBND	Ủy ban nhân dân
KHHĐ	Kế hoạch Hành động giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng và suy thoái rừng cấp xã
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Sở TNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường
FMP	Kế hoạch Quản lý rừng
FPDP	Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng
HH	Hộ gia đình
MCPFMB	Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
MRV	Đo đếm, Báo cáo và Thẩm định
NTFP	Lâm sản ngoài gỗ
LDP	Kế hoạch phát triển sinh kế
PFES	Chi trả dịch vụ môi trường rừng
PPC	Ủy ban nhân dân tỉnh
PRAP	Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh
REDD+	Giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng và suy thoái rừng, bảo tồn trữ lượng các-bon rừng, quản lý rừng bền vững, nâng cao trữ lượng các-bon rừng.
VFMR	Quy ước quản lý rừng của bản
VMBFMLD	Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của bản
VND	Việt Nam Đồng

Mục lục

Phần giới thiệu	1
I. Cơ sở pháp lý và tài liệu sử dụng để xây dựng kế hoạch.....	2
1. Cơ sở pháp lý	2
2. Các tài liệu đã sử dụng	2
II. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội của xã Mường Mươn	3
1. Đặc điểm tự nhiên	3
2. Đặc điểm kinh tế - xã hội	4
2.1 Đặc điểm dân cư	4
2.2 Thực trạng kinh tế.....	5
2.3 Hoạt động sản xuất	6
3. Các vấn đề trong bảo vệ và phát triển rừng ở xã Mường Mươn.....	9
III. Kế hoạch hành động REDD+ của xã.....	9
1. Mục tiêu chung.....	9
2. Các mục tiêu cụ thể.....	9
3. Nhiệm vụ trọng tâm	10
3.1 Nhiệm vụ về bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng.....	10
3.2 Nhiệm vụ về theo dõi diễn biến rừng	10
3.3 Nhiệm vụ về đẩy mạnh các hoạt động phát triển sinh kế cho người dân	11
3.4 Nhiệm vụ về tăng cường khung thể chế về quản lý rừng và phát triển sinh kế.....	11
3.5 Nhiệm vụ về nâng cao năng lực cho cán bộ xã và người dân	12
4. Giải pháp thực hiện	12
4.1 Giải pháp về thúc đẩy bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng	12
4.2 Giải pháp về thiết lập và vận hành thí điểm Hệ thống theo dõi diễn biến rừng	15
4.3 Giải pháp về phát triển sinh kế cho người dân thông qua các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và các hoạt động sản xuất khác.....	17
4.4 Giải pháp về thiết lập và tăng cường khung thể chế cho hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế có xem xét các hoạt động REDD+.....	20
4.5 Giải pháp về nâng cao năng lực về quản lý rừng và phát triển sinh kế cho cán bộ xã và người dân.....	24
IV. Tổ chức thực hiện	26
V. Chi phí và nguồn vốn thực hiện kế hoạch.....	26
1. Chi phí cần thiết để thực hiện kế hoạch	26
2. Nguồn vốn thực hiện.....	30
3. Giải pháp đối với vốn và nguồn vốn.....	31
VI. Theo dõi và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch	31
Phụ lục: Các hoạt động theo từng giải pháp	32

Phần giới thiệu

Với nhận thức “ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề sống còn”, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định 799/QĐ-TTg (ngày 27 tháng 6 năm 2012) phê duyệt Chương trình hành động quốc gia trong đó xác định Việt Nam sẽ nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng để giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao trữ lượng các bon rừng, bảo tồn đa dạng sinh học gắn với xoá đói giảm nghèo và phát triển bền vững. Quyết định 799/QĐ-TTg cũng cho phép Bộ NN&PTNT lựa chọn ít nhất 8 tỉnh có tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính cao và đại diện cho các vùng sinh thái tham gia các dự án điểm về REDD+, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam và tài trợ của quốc tế, với nội dung của các hoạt động thử nghiệm ở cấp tỉnh bao gồm:

- Xây dựng chương trình hành động thực hiện REDD+ cấp tỉnh; lồng ghép thực hiện REDD+ với quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch sử dụng đất, các chương trình và dự án giảm phát thải trong nông nghiệp và các lĩnh vực liên quan; thí điểm xây dựng hệ thống quản lý, điều phối và vận hành REDD+ ở cấp tỉnh.

- Nâng cao nhận thức và năng lực kỹ thuật về REDD+ cho các cán bộ liên quan ở cấp tỉnh, huyện, xã; nâng cao nhận thức của các chủ rừng và cộng đồng dân cư địa phương.

- Lựa chọn và thực hiện các biện pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng và suy thoái rừng, ổn định và nâng cao trữ lượng các bon rừng; nghiên cứu vai trò và khả năng tham gia thực hiện REDD+ của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng địa phương.

- Đề xuất và thí điểm triển khai: Hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm định, phương pháp điều tra, theo dõi, đánh giá diễn biến rừng với sự tham gia của các bên liên quan; cơ chế quản lý tài chính và chi trả cho kết quả thực hiện REDD+; các biện pháp bảo đảm an toàn; xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin thực hiện REDD+.

- Tổng kết và đúc rút kinh nghiệm kết quả thực hiện REDD+ làm cơ sở bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện Chương trình Hành động Quốc gia về REDD+ để triển khai thực hiện trên phạm vi toàn quốc ở giai đoạn tiếp theo.

Theo Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh, mỗi xã sẽ xây dựng KHHĐ cho riêng mình. Và, xã Mường Mươn thuộc huyện Mường Chà đã được lựa chọn là một trong số hai điểm (điểm khác là địa bàn của xã Mường Phăng của huyện Điện Biên) thực hiện các hoạt động thí điểm REDD+ ở tỉnh Điện Biên.

Bản kế hoạch hành động này đưa ra *các mục tiêu cần đạt được trong công tác quản lý rừng* (mục tiêu về trồng rừng, mục tiêu về khoanh nuôi tái sinh rừng, mục tiêu về bảo vệ rừng), và *phát triển sản xuất nâng cao đời sống, các nguồn lực cần thiết* (đất đai, nhân lực, kiến thức và các hỗ trợ) cũng như cách thức sử dụng các nguồn lực này một cách hiệu quả nhằm giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao trữ lượng các-bon rừng tại xã Mường Mươn trong giai đoạn 2013 – 2020. Nội dung của bản kế hoạch này được chia thành 6 phần, gồm:

- 1) Cơ sở pháp lý và tài liệu sử dụng để xây dựng kế hoạch;
- 2) Điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của xã Mường Mươn;

- 3) Phần chính của Kế hoạch;
- 4) Tổ chức thực hiện;
- 5) Chi phí và nguồn vốn thực hiện kế hoạch;
- 6) Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

I. Cơ sở pháp lý và tài liệu sử dụng để xây dựng kế hoạch

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Đất đai, ban hành ngày 26/11/2003;
- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, ban hành ngày 03/12/ 2004;
- Luật Bảo vệ Môi trường, ban hành ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP, ngày 03/03/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;
- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg, ngày 14/08/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý rừng;
- Quyết định số 799/QĐ-TTg, ngày 27/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Hành động Quốc gia về “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng” giai đoạn 2011 – 2020;
- Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, ngày 24/09/2010 của Chính phủ, về chính sách Chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Quyết định số 2284/2010/QĐ-TTg, ngày 13/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Triển khai Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng";
- Quyết định số 1764/QĐ-BNN-HTQT, ngày 26/07/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt Dự án Hợp tác Kỹ thuật thí điểm REDD+ tại tỉnh Điện Biên;
- Quyết định số 1050/QĐ-UBND, ngày 19/11/2012 của UBND tỉnh Điện Biên, về phê duyệt Dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Mường Chà giai đoạn 2012-2020;
- Thông tư số 05/2008/TT-BNN, ngày 14/01/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về hướng dẫn lập qui hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;
- Quyết định 147/2007/QĐ-TTg, ngày 10/9/2007 về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015; Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/09/2007 về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015 của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định số 106/2006/QĐ-BNN, ngày 27/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành Hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn;

2. Các tài liệu đã sử dụng

- Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XII nhiệm kỳ 2010-2015;

- Kế hoạch số 388/KH-UBND, ngày 20/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013 – 2015 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Thuyết minh đề án Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Điện Biên giai đoạn 2009 - 2020 được phê duyệt tại Quyết định số: 2117/QĐ-UBND ngày 02/12/2009 của UBND tỉnh Điện Biên;

- Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Mường Mươn, huyện Mường Chà giai đoạn 2011-2020;

- Báo cáo kết quả khảo sát kinh tế-xã hội xã Mường Mươn của Dự án thí điểm REDD+ tại Điện Biên, tháng 5 năm 2013;

- Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

- Thuyết minh Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng huyện Mường Chà giai đoạn 2012-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1050/QĐ-UBND.

- Kế hoạch hành động REDD+ tỉnh Điện Biên (dự thảo)

II. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội của xã Mường Mươn

1. Đặc điểm tự nhiên

Xã Mường Mươn nằm ở phía Nam của huyện Mường Chà, phía Bắc giáp xã Na Sang huyện Mường Chà, phía Nam giáp xã Mường Pồn và Nà Tấu huyện Điện Biên, phía Đông giáp 3 xã Mường Mùn, Nà Sáy huyện Tuần Giáo và xã Mường Đăng huyện Mường Ảng, phía Tây giáp Nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào.

Mường Mươn có địa hình đồi núi cao với độ dốc lớn bị chia cắt phức tạp, độ cao trung bình khoảng 600 m so với mặt nước biển, độ dốc trung bình là 30⁰ có nơi dốc tới 38⁰. Điều kiện địa hình này gây ra rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện các hoạt động sản xuất nông nghiệp, trao đổi hàng hoá và nâng cao đời sống của người dân địa phương.

Về khí hậu, khu vực xã Mường Mươn có khí hậu nhiệt đới gió mùa trên cao được chia thành 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Lượng mưa hàng năm khoảng 1.800mm và thường tập trung vào các tháng 6,7 và 8 trong năm. Nhiệt độ trung bình trong năm ở mức 22,25⁰C.

Gần như toàn bộ diện tích của xã Mường Mươn thuộc vùng đầu nguồn sông Đà, một con sông có vai trò quan trọng trong việc sản xuất ra điện năng cũng như nước tưới cho vùng đồng bằng sông Hồng (“vựa lúa thứ hai”) của Việt Nam.

Theo số liệu thống kê của địa chính về hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn xã, tổng diện tích tự nhiên của xã là 13.445 ha. Tổng diện tích canh tác cây lương thực và thực phẩm là 1.564 ha, trong đó có 41,5 ha ruộng lúa, 206,8 ha nương lúa, 1,7 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản, 392 ha cây trồng hàng năm khác lúa và 275 ha cây trồng lâu năm. Theo Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 16/09/2013 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chuyển đổi diện tích 3 loại rừng trong tỉnh, diện tích đất được quy hoạch cho lâm nghiệp trên địa bàn xã Mường Mươn là 12.528 ha. Phân theo chức năng, diện tích quy hoạch cho rừng đặc dụng là 3.988 ha (gồm 2.133 ha có rừng và 1.855 ha chưa có rừng); rừng phòng hộ là 1.746 ha (trong đó 339 ha có rừng và 1.407

ha chưa có rừng); rừng sản xuất là 6.794 ha (trong đó 2.713 ha có rừng, và 4.081 ha đất chưa có rừng). Diện tích đất sử dụng cho các mục đích khác 917 ha, trong đó diện tích đất chưa sử dụng của xã là 89 ha.

Như vậy, 93,18% tổng diện tích tự nhiên của xã Mường Mươn là đất lâm nghiệp, và theo quy định của pháp luật thì chính quyền và người dân địa phương phải tiến hành trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh trên đất chưa có rừng, bảo vệ rừng ở những diện tích đất có rừng.

2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

2.1 Đặc điểm dân cư

Xã Mường Mươn có 4 dân tộc anh em cùng sinh sống là: Mông, Khơ Mú, Thái và Kinh. Trong đó, dân tộc Mông chiếm đa số với 53%, dân tộc Khơ Mú chiếm 27,6%, dân tộc Thái chiếm 18,9% và người Kinh chiếm 0,5 % dân số xã.

Bảng 2.1 Thống kê dân số theo bản và theo dân tộc

TT	Bản	Mông		Kinh		Khơ Mú		Thái		Tổng cộng	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Dân số
1	Huổi Ho	28	193							28	193
2	Huổi Meo	83	550							83	550
3	Huổi Nhà	22	146							22	146
4	Huổi Vàng	47	281	2	8	37	177	2	7	88	473
5	Kết Tinh	21	141							21	141
6	Mường Mươn 1			1	2			76	358	77	360
7	Mường Mươn 2							81	333	81	333
8	Pú Chả	26	188							26	188
9	Pú Múa	64	465							64	465
10	Púng Giắt 1					77	396			77	396
11	Púng Giắt 2					85	446			85	446
<i>Tổng</i>		<i>291</i>	<i>1.960</i>	<i>3</i>	<i>10</i>	<i>199</i>	<i>1.019</i>	<i>159</i>	<i>698</i>	<i>652</i>	<i>3.687</i>

(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát kinh tế xã hội xã Mường Mươn, tháng 5 năm 2013 của Dự án Thí điểm REDD+ tại Điện Biên)

Theo số liệu thu thập được vào tháng 4 năm 2013, số người trong độ tuổi lao động chiếm 49,9% tổng dân số, trong đó lao động nông, lâm nghiệp là chủ yếu. Lực lượng lao động qua đào tạo, có chuyên môn kỹ thuật chiếm tỷ lệ thấp. Tình trạng này cho thấy sẽ có nhiều khó khăn trong việc chuyển giao và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất khi thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển sinh kế và quản lý rừng có sự tham gia.

Bảng 2.2 Cơ cấu tuổi của dân số

TT	Bản	Cơ cấu tuổi của dân số (%)		
		Dưới 18 tuổi	Từ 18 đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi
1	Huổi Ho	49,2	50,8	0
2	Huổi Meo	34,9	60,0	5,1
3	Huổi Nhả	56,8	41,1	2,1
4	Huổi Vang	46,0	50,5	3,5
5	Kết Tinh	58,9	39,7	1,4
6	Mường Mươn 1	41,9	51,7	6,4
7	Mường Mươn 2	32,4	62,5	5,1
8	Pú Chả	52,2	45,8	2,0
9	Pú Múa	56,7	41,1	2,2
10	Púng Giắt 1	36,9	57,5	5,6
11	Púng Giắt 2	45,2	48,4	6,3

(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát kinh tế-xã hội xã Mường Mươn, tháng 5 năm 2013 của Dự án Thí điểm REDD+ tại Điện Biên)

2.2 Thực trạng kinh tế

Phần lớn các hộ gia đình ở xã Mường Mươn thuộc nhóm hộ nghèo và cận nghèo. Tại thời điểm tháng 4 năm 2013, trên địa bàn xã có 57,8% số hộ là hộ nghèo, 17,8% là hộ cận nghèo, 21,6% hộ kinh tế trung bình và chỉ 2,8% hộ kinh tế khá. Theo địa bàn dân cư, các hộ nghèo chủ yếu tập trung ở 5 bản người Mông (Huổi Meo, Huổi Nhả, Kết Tinh, Pú Chả và Pú Múa) nơi có tỷ lệ hộ nghèo là 100%. Số bản còn lại tỷ lệ hộ nghèo chiếm từ 21,4% đến 45%.

Bảng 2.3 Hiện trạng kinh tế hộ gia đình

TT	Bản	Hộ kinh tế khá		Hộ trung bình		Hộ cận nghèo		Hộ nghèo	
		Số hộ	(%)	Số hộ	(%)	Số hộ	(%)	Số hộ	(%)
1	Huổi Ho			18	64,3	4	14,3	6	21,4
2	Huổi Meo							83	100
3	Huổi Nhả							22	100
4	Huổi Vang	5	5,7	20	22,7	23	26,11	40	45,5
5	Kết Tinh							21	100
6	Mường Mươn 1			26	33,7	23	29,8	28	36,4
7	Mường Mươn 2			37	45,7	21	25,9	23	28,4
8	Pú Chả							26	100
9	Pú Múa							64	100
10	Púng Giắt 1	8	10,4	13	16,8	23	29,9	33	42,9
11	Púng Giắt 2	5	5,9	27	31,8	22	25,9	31	36,5

(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát kinh tế xã hội xã Mường Mươn, tháng 5 năm 2013 của Dự án Thí điểm REDD+ tại Điện Biên)

2.3 Hoạt động sản xuất

2.3.1 Trồng trọt

Trồng trọt là ngành sản xuất chính của xã, trong đó chủ yếu là các cây lương thực như lúa, ngô, khoai, sắn... Do diện tích đất nông nghiệp ít, địa hình phức tạp, trình độ canh tác còn lạc hậu, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, quá trình canh tác còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nên năng suất trong trồng trọt chưa cao.

Bảng 2.4 Hoạt động canh tác lúa của hộ gia đình

TT	Bản	Hộ chỉ có ruộng nước		Hộ chỉ có nương lúa		Hộ có cả nương lúa và ruộng nước	
		Số lượng	(%)	Số lượng	(%)	Số lượng	(%)
1	Huổi Ho			28	100		
2	Huổi Meo			83	100		
3	Huổi Nhả			22	100		
4	Huổi Vàng	3	3,4	57	64,8	28	31,8
5	Kết Tinh			21	100		
6	Mường Mươn 1					76	98,7
7	Mường Mươn 2	17	21			64	79
8	Pú Chả			26	100		
9	Pú Múa			39	60,9	25	39,1
10	Púng Giắt 1					77	100
11	Púng Giắt 2					85	100
Tổng		20		276		355	

(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát kinh tế xã hội xã Mường Mươn, tháng 5 năm 2013 của Dự án Thí điểm REDD+ tại Điện Biên)

Bảng 2.5 Diện tích đất canh tác bình quân hộ gia đình tính theo bản

TT	Bản	Diện tích tính bình quân hộ gia đình (m ²)					
		Ruộng	Nương lúa	Nương sắn	Nương ngô	Vườn nhà	Bỏ hóa
1	Huổi Ho	0	14.500	1.000	1.700	0	30.000
2	Huổi Meo	0	10.000	400	600	100	12.000
3	Huổi Nhả	0	10.000	3.200	0	0	800
4	Huổi Vàng	1.000	1.700	300	2.200	200	5.000
5	Kết Tinh	0	19.000	200	7.000	0	9.500
6	Mường Mươn 1	1.100	2.000	2.200	2.300	0	1.000
7	Mường Mươn 2	2.500	1.700	1.900	1.500	0	600
8	Pú Chả	0	10.000	500	200	0	11.500
9	Pú Múa	0	4.700	0	3.900	100	4.600
10	Púng Giắt 1	2.500	2.000	400	700	0	4.000
11	Púng Giắt 2	2.000	2.300	2.100	4.700	0	5.000

(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát kinh tế xã hội xã Mường Mươn, tháng 5 năm 2013 của Dự án Thí điểm REDD+ tại Điện Biên)

Các mô hình sử dụng đất dốc để canh tác tương đối đa dạng và thay đổi theo điều kiện tự nhiên của từng nơi, nhu cầu về lương thực, việc thi hành các chính sách quản lý đất đai. Phần dưới đây chỉ mô tả một số hình thức phổ biến nhất từ kết quả phỏng vấn ở các bản.

Mô hình 1:

Trồng lúa	Bỏ hoá	Trồng lúa	Bỏ hoá
2-3 vụ	2-3 năm	2-3 vụ	2-3 năm

Mô hình 2:

Trồng lúa	Trồng sắn	Bỏ hoá	Trồng lúa	Trồng sắn
2-3 vụ	2-3 vụ	2-3 năm	2-3 vụ	2-3 vụ

Mô hình 3:

Trồng lúa	Trồng ngô	Trồng sắn	Bỏ hoá	Trồng sắn	Bỏ hoá
2-3 vụ	1-2 vụ	1-2 vụ	1-2 năm	2-3 vụ	1-2 vụ

2.3.2 Chăn nuôi

Bên cạnh trồng trọt, hoạt động chăn nuôi cũng đang ngày càng được quan tâm đầu tư phát triển cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu vật nuôi. Tuy nhiên, do kiến thức và nguồn vốn còn hạn chế nên hoạt động chăn nuôi chủ yếu vẫn là hình thức hộ gia đình. Bên cạnh đó người dân chưa chú trọng nhiều đến các biện pháp phòng bệnh, làm chuồng trại hợp vệ sinh hay chuẩn bị đủ thức ăn trong mùa đông lạnh. Chính vì vậy đã xuất hiện các đợt dịch bệnh làm chết nhiều gia súc gia cầm. Với quy mô nhỏ lẻ như vậy, các sản phẩm sản xuất ra chủ yếu phục vụ nhu cầu của gia đình, chưa đóng góp nhiều cho việc tạo ra thu nhập cho người dân. Việc chăn thả gia súc nhiều nơi còn theo hình thức thả rông gây ảnh hưởng tới việc phát triển lâm nghiệp do gia súc phá hoại rừng trồng.

Bảng 2.6. Hiện trạng hoạt động chăn nuôi ở các bản của xã Mường Mươn

TT	Bản	Bò		Trâu		Lợn		Dê		Gà		Vịt		Ngựa	
		Số hộ nuôi	Số con	Số hộ nuôi	Số con	Số hộ nuôi	Số con	Số hộ nuôi	Số con	Số hộ nuôi	Số con	Số hộ nuôi	Số con	Số hộ nuôi	Số con
1	Huổi Ho	1	2	28	40	28	40	2	20	28	300	0	0		
2	Huổi Meo	30	37	10	26	80	215	40	85	83	500	0	0		
3	Huổi Nhả	6	8	8	15	22	22	2	8	21	100				
4	Huổi Vang	33	83	54	88	20	100	6	20	80	300	5	40	4	6
5	Kết Tinh	1	4	7	14	17	27	6	15	21	150	0	0		
6	Mường Mươn 1	7	26	76	129	77	350	0	0	-	-	10	100		
7	Mường Mươn 2	8	26	56	129	75	350	1	4	81	670	6	47		
8	Pú Chả	19	40	14	20	26	52	6	25	26	260	0	0		
9	Pú Múa	9	75	33	135	40	280	9	51	41	300	3	15	20	20
10	Púng Giắt 1	15	87	51	71	62	208	0	0	77	280	7	80		
11	Púng Giắt 2	40	70	50	110	55	400	0	0	85	2.000	30	1.000		

(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát kinh tế-xã hội xã Mường Mươn, tháng 5 năm 2013 của Dự án Thí điểm REDD+ tại Điện Biên)

2.3.3 Hoạt động lâm nghiệp

a) Hoạt động bảo vệ và phát triển rừng

Hoạt động bảo vệ và phát triển rừng ở xã Mường Mươn được thực hiện ở quy mô rất nhỏ, cụ thể:

- Theo số liệu của Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Chà, toàn xã đã trồng được 162,3 ha rừng. Đây là diện tích rừng thuộc đối tượng rừng phòng hộ đã được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách do 14 hộ gia đình trong xã trồng trong các năm 2003, 2005 và 2010. Tuy nhiên theo thuyết minh của Dự án Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới của xã giai đoạn 2011-2020 của Mường Mươn, đến nay toàn xã chỉ có 52 ha rừng trồng. Nếu số liệu từ 2 nguồn trên là đúng, nghĩa là chỉ có 30% diện tích đã trồng thành rừng.

- Hoạt động bảo vệ rừng tự nhiên được 1 hộ gia đình trong xã thực hiện từ 2009 đến 2011 theo hợp đồng ký với Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà. Tổng diện tích hợp đồng bảo vệ là 643,5 ha. Theo phân tích của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà, chất lượng hoạt động thuê khoán bảo vệ rừng tự nhiên nhìn chung không đạt được yêu cầu do tiền công thuê khoán thấp hơn nhiều so với canh tác nương rẫy trên cùng diện tích.

- Cho đến nay chưa có hoạt động khoanh nuôi tái sinh rừng nào được thực hiện.

b) Khai thác lâm sản

- Những sản phẩm chủ yếu mà người dân thu hái từ rừng là một số loại gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Trong những năm gần đây, sản lượng và chủng loại lâm sản ngoài gỗ mà người dân trong xã khai thác từ rừng đã giảm đi rất nhiều. Sản phẩm chủ yếu hiện nay chỉ là bông chít, măng, củ đun, một số loại hoa quả rừng và một số loại sản phẩm có khối lượng rất nhỏ như mật ong, tre và nứa. Các loại sản phẩm khai thác thường được dùng để sử dụng trong gia đình, rất ít được bán ra ngoài, ngoại trừ bông chít.

3. Các vấn đề trong bảo vệ và phát triển rừng ở xã Mường Mươn

Diện tích rừng đã và đang tiếp tục giảm, chất lượng rừng vẫn đang bị suy thoái. Thuyết minh Dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Mường Chà giai đoạn 2012-2020 đã đưa ra nhận định “nạn phá rừng, lấn chiếm đất rừng làm nương và khai thác gỗ trái phép vẫn diễn ra phức tạp”.

III. Kế hoạch hành động REDD+ của xã

1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của Kế hoạch hành động REDD+ cấp xã là góp phần phát triển bền vững của xã, duy trì và nâng cao độ che phủ của rừng, nâng cao trữ lượng các-bon, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao đời sống người dân địa phương thông qua việc thực hiện REDD+ trên địa bàn xã.

2. Các mục tiêu cụ thể

Thực hiện tốt công tác quản lý rừng bền vững, tăng cường các dịch vụ hệ sinh thái của rừng như bảo vệ nguồn nước, phòng tránh thiên tai, giữ gìn cảnh quan, hấp thụ các-bon, bảo tồn đa dạng sinh học và sản xuất lâm sản qua việc nâng cao độ che phủ rừng từ 4.906,3 ha hiện nay lên 5.237 ha vào năm 2015 và 6.756,7 ha vào năm 2020, theo Quy hoạch Phát triển Nông thôn mới xã Mường Mươn giai đoạn 2011 – 2020.

Nâng cao đời sống người dân một cách bền vững để hỗ trợ công tác quản lý rừng hiệu quả và góp phần xóa đói giảm nghèo. Mục tiêu về thu nhập bình quân đầu người đạt 11.442.000 đồng/người/năm vào năm 2015 và tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống mức thấp nhất có thể vào năm 2020, theo Quy hoạch Phát triển Nông thôn mới xã Mường Mươn giai đoạn 2011 – 2020.

3. Nhiệm vụ trọng tâm

3.1 Nhiệm vụ về bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng

Các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng được xây dựng và thực hiện trên cơ sở Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng. Vì vậy, thúc đẩy bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng thông qua Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng và Chi trả dịch vụ môi trường rừng là một nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ của xã. Nhiệm vụ của từng hoạt động quản lý rừng được tổng hợp trong bảng dưới đây.

Bảng 3.1 Nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng tại xã Mường Mươn, giai đoạn 2013-2020

TT	Tên bản	Nhiệm vụ			Tổng cộng
		Bảo vệ rừng	Khoanh nuôi tái sinh rừng	Trồng và chăm sóc rừng	
1	Mường Mươn 1 + 2	618.7	381.3	158.0	1.158.0
2	Pú Chả + Huổi Nhà	2.405,2	631.8	48.0	3.085.0
3	Huổi Vàng	249.9	71.8	88.0	409.7
4	Púng Giắt 1+2 & Huổi Ho	681.4	809.9	190.0	1.681,3
5	Pú Múa	384.3	271.7	64.0	720.0
6	Kết Tinh	249.1	139.4	21.0	409.5
7	Huổi Meo	1.204,9	182.9	83.0	1.470,8
	Tổng cộng	5.793,5	2.488,8	652.0	8.934,3

Đơn vị tính (ha)

Ghi chú: Số liệu trong bảng trên được trích từ bản đồ quy hoạch KHBVPTR huyện Mường Chà giai đoạn 2012 – 2020.

3.2 Nhiệm vụ về theo dõi diễn biến rừng

Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh nêu rõ việc vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh sau khi được nâng cấp cần được thử nghiệm dựa trên hệ thống hiện có.

Điều hết sức cần thiết khi thực hiện thí điểm hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh sau khi nâng cấp là làm rõ vai trò và trách nhiệm của các bên có liên quan. Đặc biệt là việc rà soát hệ thống theo dõi dựa vào kiểm lâm hiện nay và xem xét sự tham gia của người dân trong hoạt động theo dõi diễn biến rừng.

Việc thực hiện thí điểm hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi nâng cấp tại Mường Mươn sẽ đúc rút được nhiều bài học kinh nghiệm trong việc thiết kế hệ thống theo dõi diễn biến rừng cho toàn tỉnh, do vậy cần phải đánh giá hệ thống này vào giữa năm 2015 với hy vọng có thể áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh từ năm 2016 đến 2020. Để đảm bảo vận hành thành công hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi được nâng cấp

trên toàn tỉnh thì kết quả thực hiện thí điểm phải được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng về mặt kỹ thuật, có kinh phí để thực hiện không, chi phí thực hiện – lợi ích đem lại ra sao để so sánh với các hệ thống theo dõi diễn biến rừng khác.

Theo Hệ thống theo dõi diễn biến rừng của tỉnh trong Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh, điều không thể thiếu đối với các tổ chức và nhân sự dưới đây là phải tham gia vào hoạt động theo dõi diễn biến rừng ở cấp xã. Ngoài ra, cũng cần phải sắp xếp “trách nhiệm thực hiện” của từng tổ chức này.

- Cấp thôn bản: Người dân, chủ rừng, Ban quản lý bản về quản lý rừng và phát triển sinh kế, tổ tuần tra rừng;
- Các chủ rừng (Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà);
- Kiểm lâm địa bàn

Các nguồn lực gồm ngân sách, công nghệ, thiết bị và nhân lực thành thạo cần phải được chuẩn bị tốt để vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng. Về tài chính, sẽ sử dụng ngân sách nhà nước để vận hành hệ thống, bởi việc theo dõi diễn biến rừng là một công việc phải thực hiện. Mặt khác, về khía cạnh kỹ thuật, hiện các nhân sự tham gia hệ thống theo dõi diễn biến rừng còn đang thiếu nhiều kỹ năng về sử dụng ảnh vệ tinh cũng như thiết bị GPS. Phân giải pháp thực hiện sẽ trình bày chi tiết hơn cách thức thực hiện nhiệm vụ này. Các trang thiết bị cần thiết như máy ảnh kỹ thuật số hay máy GPS cũng cần phải được trang bị đầy đủ để vận hành hệ thống này.

3.3 Nhiệm vụ về đẩy mạnh các hoạt động phát triển sinh kế cho người dân

Như đã đề cập trong mục 2.2 Phần II, hầu hết người dân trong xã sống dưới mức đói nghèo. Đốt nương làm rẫy trên đất lâm nghiệp đang là hoạt động quan trọng nhất, không chỉ đảm bảo an ninh lương thực mà còn tạo ra nguồn thu nhập bằng tiền để trang trải cho chi tiêu hằng ngày của các hộ gia đình. Tuy nhiên, chính hoạt động đốt nương làm rẫy lại thường gây ra những tác động tiêu cực đối với rừng. Vì vậy, để khuyến khích người dân hạn chế đốt nương làm rẫy trên diện tích quy hoạch cho lâm nghiệp và tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý rừng, thì cần phải hỗ trợ cho người dân cải thiện các hoạt động sinh kế thay thế khác để hỗ trợ cho công tác quản lý rừng. Ngoài ra cũng cần phải xây dựng một hệ thống các hoạt động phát triển sinh kế hướng tới quản lý rừng bền vững.

Hơn nữa, vì Mường Mươn là một xã thí điểm thực hiện REDD+, nên cần phải xây dựng những mô hình tăng cường phát triển sinh kế để có thể được áp dụng sang các xã khác trên địa bàn tỉnh. Những mô hình này nên được xây dựng xong trước thời điểm giữa năm 2015.

3.4 Nhiệm vụ về tăng cường khung thể chế về quản lý rừng và phát triển sinh kế

Ban Chỉ huy các vấn đề cấp bách về bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng cấp xã là đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ của xã. Một trong những nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã là phải xây dựng được một cơ cấu tổ chức phù hợp và khả thi để thực hiện các hoạt động về quản lý rừng, phát triển sinh kế và các hợp phần khác trong Kế hoạch, đặc biệt là tăng cường cơ cấu tổ chức để thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân trong công tác quản lý rừng và phát triển sinh kế.

Khung thể chế bao gồm cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động, quản lý quỹ và xây dựng quy chế quản lý rừng và phát triển sinh kế. Việc xây dựng khung thể chế này là rất quan trọng để thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ của xã.

Hơn nữa, vì Mường Mươn là một xã thí điểm thực hiện REDD+, nên cần phải xây dựng những mô hình cơ cấu tổ chức khả thi về quản lý rừng và phát triển sinh kế, để có thể được áp dụng ở các xã khác trên địa bàn toàn tỉnh.

3.5 Nhiệm vụ về nâng cao năng lực cho cán bộ xã và người dân

Cần nâng cao kiến thức và kỹ năng cho cán bộ xã, cán bộ Ban Quản lý rừng đặc dụng, Kiểm lâm địa bàn cũng như người dân, những người trực tiếp tham gia vào các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế. Phần giải pháp sẽ trình bày cụ thể về cách thức thực hiện nhiệm vụ này.

4. Giải pháp thực hiện

4.1 Giải pháp về thúc đẩy bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng

Các bản và hộ gia đình sẽ là các chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan như: Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà, Hạt kiểm lâm để hỗ trợ các bản xây dựng kế hoạch quản lý rừng của bản, bao gồm các hoạt động: bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng; hỗ trợ xây dựng các quy ước quản lý rừng trên địa bàn bản; hướng dẫn kỹ thuật; và thực hiện việc theo dõi diễn biến rừng cũng như các quy ước đã xây dựng.

Theo các chương trình, chính sách về bảo vệ và phát triển rừng hiện tại, hoạt động bảo vệ rừng hiện còn được hỗ trợ theo Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, trong khi các hoạt động phát triển rừng (gồm khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng) được hỗ trợ theo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng. Các diện tích rừng được hình thành từ hoạt động khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng, khi được công nhận là rừng thì sẽ được hưởng theo Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (với những diện tích có cung ứng các dịch vụ môi trường), không được hỗ trợ theo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng nữa và ngược lại.

4.1.1 Giải pháp về bảo vệ rừng thông qua Chi trả dịch vụ môi trường rừng kết hợp giao đất giao rừng

Theo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng huyện Mường Chà giai đoạn 2012 – 2020 (Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 19/11/2012 của UBND tỉnh Điện Biên), tổng diện tích đất có rừng quy hoạch cho bảo vệ rừng là 5.793 ha. Cần phải ký kết hợp đồng thuê khoán bảo vệ rừng với người dân (thôn bản, hộ gia đình hoặc cá nhân) để thực hiện các hoạt động bảo vệ rừng. Người dân sẽ trực tiếp tham gia công tác tuần tra bảo vệ rừng đối với những diện tích rừng được giao hoặc đã được thuê khoán bảo vệ.

Do diện tích đất lâm nghiệp của xã Mường Mươn nằm trong diện được hưởng chính sách Chi trả dịch vụ môi trường rừng, các chủ rừng sẽ được nhận tiền từ Chi trả dịch vụ môi trường rừng thông qua các hoạt động bảo vệ rừng.

Để thực hiện được Chi trả dịch vụ môi trường rừng một cách đúng đối tượng và đúng mục đích thì công tác giao đất giao rừng là một trong số các điều kiện tiên quyết. Kế hoạch số 388/KH-UBND đã nêu rõ, diện tích đất có rừng sẽ được giao hết trong

năm 2014, tuy nhiên việc giao đất giao rừng được hoàn tất càng sớm, thì ngân sách từ Chi trả dịch vụ môi trường rừng được giải ngân càng sớm.

Để tránh những mâu thuẫn và tranh chấp xảy ra trong quá trình giao và sau đó là khoán bảo vệ rừng, xã cần khuyến khích người dân tham gia vào tất cả các bước của quá trình giao đất giao rừng như: quá trình rà soát lại diện tích đất lâm nghiệp đã giao theo Nghị định số 163/NĐ-CP, quá trình xây dựng phương án, quá trình giao đất, cắt mốc ngoài thực địa,... Việc giao đất, giao rừng làm cho rừng có chủ thực sự, từ đó người dân với tư cách là chủ rừng sẽ có trách nhiệm hơn với việc bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt khi họ được hưởng lợi từ rừng được giao theo các quy định hiện hành và theo chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Đối với những diện tích rừng đã được giao và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng, chủ rừng phải cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng như quản lý lửa rừng không để cháy rừng, thường xuyên tuần tra canh gác để tránh chặt trộm gỗ,... vào cuối năm, quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng sẽ tiến hành kiểm tra rà soát lại diện tích rừng, nếu đảm bảo diện tích mà không bị thiệt hại thì được thanh toán theo diện tích, nếu mất rừng thì phải giải trình lý do mất rừng (trường hợp tự ý phá rừng sẽ bị xử lý theo pháp luật).

Để công tác bảo vệ rừng được tốt hơn, gắn với hưởng lợi của người dân, cần xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng tiền thu được từ chi trả dịch vụ môi trường rừng. Trích một phần để cho công tác tuần tra, khen thưởng những người phát hiện vi phạm rừng, 1 phần trích cho các hoạt động phúc lợi của bản như: làm đường bản, xây nhà cộng đồng, quỹ khuyến học, quỹ bảo vệ và phát triển rừng của bản, 1 phần chi trả cho những người chủ rừng,... xây dựng hương ước, quy ước của bản trong việc quản lý, sử dụng tiền thu được và xử lý các vấn đề phát sinh để rừng được bảo vệ ngày một tốt hơn.

4.1.2 Giải pháp về khoanh nuôi tái sinh rừng theo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng trên các diện tích đã giao

Theo số liệu trong Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng huyện Mường Chà giai đoạn 2012 – 2020, tổng diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng trên địa bàn xã Mường Mươn là 2.488,9 ha, trong đó có khoảng 721 ha đất trống có cây gỗ rải rác (Ic) có thể tái sinh thành rừng phục hồi (IIa) sau 5 năm nếu được khoanh nuôi tái sinh tự nhiên phù hợp. Việc giao các diện tích này cho các chủ đất cùng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp sẽ được hoàn thành vào cuối năm 2015 theo Kế hoạch 388/KH-UBND.

Đối với các chủ đất là các thôn bản, hộ gia đình và cá nhân, họ cần ký một hợp đồng cho thuê lại đất lâm nghiệp trạng thái Ic với UBND xã Mường Mươn để khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên thành rừng. Theo cách này, bên nhận hợp đồng (UBND xã Mường Mươn) sẽ phải trả trước một khoản tiền tương ứng với đơn giá khoanh nuôi bảo vệ (tối đa 200.000 VNĐ/ha/năm theo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng huyện Mường Chà giai đoạn 2012 – 2020) cho toàn giai đoạn hợp đồng từ 2016 – 2020 (5 năm) cho bên giao hợp đồng (các chủ đất). Và đổi lại, các hoạt động canh tác nương rẫy của chủ đất trên những diện tích đã ký kết trong hợp đồng sẽ chắc chắn được ngăn chặn. Sau 5 năm khoanh nuôi tái sinh, các diện tích đó sẽ thành rừng và được hưởng Chi trả dịch vụ môi trường rừng và đến thời điểm đó, hợp đồng sẽ kết thúc. Các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện giải pháp này có thể là vốn vay ngân hàng với lãi suất thấp, với bên đi vay là UBND xã Mường Mươn, bên bảo lãnh khoản vay là ngân sách

tính phân bổ cho bảo vệ và phát triển rừng và tài sản thế chấp là các diện tích khoanh nuôi bảo vệ đã ký kết giữa chủ đất và UBND xã Mường Mươn. Ngoài ra còn có thể trông đợi vào các nguồn hỗ trợ, đầu tư của các nhà tài trợ, nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Khoản tiền trả trước theo hợp đồng có thể được đưa vào Quỹ bản để sử dụng với mục đích phát triển sinh kế cho người dân trong bản nếu chủ sử dụng đất là thôn bản. Đối với các diện tích đất trạng thái Ic nằm trong diện tích được giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà thì Ban này có thể làm theo giải pháp này nếu họ không thể kiểm soát được các hoạt động canh tác nương rẫy trên diện tích đã được giao quản lý. Điều cần thiết là phải đạt được sự đồng thuận giữa các bên tham gia hợp đồng.

Thực hiện hoạt động khoanh nuôi tái sinh theo cách thức như trong Kế hoạch Bảo vệ và phát triển rừng. Các diện tích đưa vào khoanh nuôi tái sinh cần được điều tra, đo đếm cụ thể để đảm bảo rằng mật độ, chiều cao cây tái sinh triển vọng đảm bảo theo quy định. Việc thực hiện các bước khoanh nuôi tái sinh tự nhiên theo quy phạm ngành 21-98 ban hành tại Quyết định số 175/QĐ/BNV/KHC. Chủ đầu tư cần tiến hành kiểm tra định kỳ để theo dõi và kiểm tra chất lượng diện tích khoanh nuôi tái sinh, đồng thời đánh giá khả năng thành rừng cũng như những vấn đề về xâm hại rừng.

Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ thành lập đoàn đánh giá để đánh giá rừng hình thành từ hoạt động khoanh nuôi tái sinh tự nhiên. Trường hợp, một số diện tích chưa chuyển trạng thái thành rừng, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí nguồn vốn để tiếp tục đầu tư khoanh nuôi những diện tích này thành rừng.

4.1.3 Giải pháp về trồng rừng theo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng và các chính sách khác

Các diện tích đất trồng Ia, Ib trong cả rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất có thể phù hợp cho phát triển trồng rừng. Theo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng, kết quả mong đợi của hoạt động trồng rừng trong rừng sản xuất trong giai đoạn 2012-2020 là trồng được 202,3 ha. Các hoạt động trồng rừng trong rừng sản xuất sẽ được hỗ trợ theo các quy định tại Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg về một số chính sách phát triển rừng sản xuất.

Nhận thức của người dân và vấn đề về kỹ thuật trồng rừng là những vấn đề quan trọng trong khuyến khích người dân có đất tham gia trồng rừng. Tuy nhiên, do đại đa phần người dân đều không có vốn để đầu tư trồng rừng; thực tế, do tập quán canh tác từ lâu đời nên khó có thể áp dụng đúng quy trình kỹ thuật được hướng dẫn. Một trong các giải pháp để khắc phục vấn đề này là các nhà đầu tư trong nước và quốc tế cùng hợp tác với nhau để phát triển trồng rừng sản xuất, để đảm bảo đầu ra và giá gỗ khi bán và đảm bảo việc quản lý rừng trồng theo tiêu chí kỹ thuật của các đơn vị tư vấn và của các cơ quan quản lý liên quan. Ngoài ra, cũng nên nhân rộng các mô hình thành công về trồng rừng sản xuất đối với các địa bàn khác trong xã để phát triển rừng sản xuất.

Ngoài ra, hiện có một nhà máy chế biến giấy ở thị xã Mường Lay và đây là một thị trường tiềm năng cho sản phẩm rừng trồng trên địa bàn xã Mường Mươn vì khoảng cách từ Mường Mươn đến Mường Lay là rất ngắn. Đây là một trong những động lực khuyến khích người dân có đất rừng sản xuất tích cực trồng rừng bởi vì họ có thể thu hoạch rừng trồng để bán cho nhà máy, tạo thêm thu nhập.

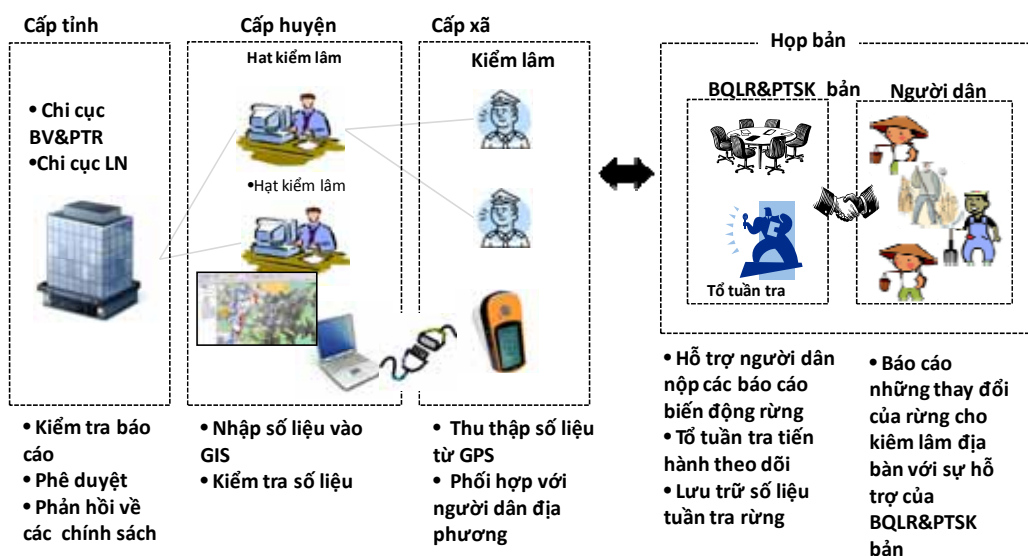
Các hoạt động và kế hoạch thực hiện các hoạt động liên quan đến bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng được mô tả trong Bảng 1 Phụ lục 1.

4.2 Giải pháp về thiết lập và vận hành thí điểm Hệ thống theo dõi diễn biến rừng

4.2.1 Thiết lập và vận hành thí điểm Hệ thống theo dõi diễn biến rừng

1) Cấu trúc hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp xã

Để thực hiện tốt việc vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng đã được nâng cấp, BQLR&PTSK cần phải phối kết hợp với kiểm lâm địa bàn một cách chặt chẽ và hiệu quả. Hệ thống theo dõi rừng cấp xã được mô tả như trong sơ đồ 4.1



Sơ đồ 4.1 Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp xã

2) Các lĩnh vực cần theo dõi

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh sau khi nâng cấp được thiết kế dựa trên hệ thống theo dõi diễn biến rừng hiện tại của tỉnh. Vì vậy, hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi nâng cấp vẫn tuân theo các chính sách hiện hành của chính phủ liên quan tới theo dõi rừng. Theo những chính sách này, các vấn đề cần theo dõi được xác định như sau:

- Diện tích rừng giảm
- Diện tích rừng tăng
- Số lượng thay đổi
- Nguyên nhân thay đổi (mất rừng, trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng)

3) Trách nhiệm thực hiện theo dõi

Cách ghi chép ở thực địa, cách thức báo cáo từng nhiệm vụ được chỉ rõ trong tài liệu hướng dẫn vận hành hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh. Trong hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp xã sau khi nâng cấp, trách nhiệm của các ban ngành có liên quan như sau:

Phòng/Bộ phận/Nhóm	Thực hiện theo dõi	Thời gian	
Bản	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi và phát hiện những thay đổi của rừng và báo cáo cho kiểm lâm địa bàn Báo cáo nên được nộp qua các buổi họp, như họp Ban chỉ huy xã hay họp UBND xã hàng tháng. Trường hợp khẩn cấp cần báo cáo ngay 	Hàng tháng	
	Người dân	Kiểm tra rừng tăng/giảm tại diện tích hộ chịu trách nhiệm quản lý theo Kế hoạch quản lý rừng của bản	Thỉnh thoảng
	Chủ rừng (cá nhân, hộ gia đình và bản)	Kiểm tra rừng tăng/giảm trên diện tích thuộc quyền sở hữu của hộ và trên diện tích thực hiện Kế hoạch quản lý rừng của bản	Hàng tháng, Thỉnh thoảng
	Đội tuần tra rừng của bản	Tuần tra các khu vực rừng được bảo vệ và báo cáo cho BQLR&PTSK nếu phát hiện những thay đổi trong rừng	Thỉnh thoảng
	BQLR&PTSK	Ghi chép số liệu về diện tích rừng tăng/giảm do người dân và chủ rừng báo cáo theo mẫu có sẵn	Hàng tháng
Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát các hoạt động theo dõi và báo cáo trực tiếp cho UBND xã 	Hàng tháng	
Kiểm lâm địa bàn	<ul style="list-style-type: none"> Đo đếm diện tích biến động theo báo cáo từ bản và kiểm tra điểm mẫu ngẫu nhiên ngoài thực địa. Báo cáo biến động rừng lên UBND xã và Hạt kiểm lâm huyện kèm theo các bằng chứng (hàng tháng) Phối hợp với các cơ quan hữu quan để nâng cao nhận thức cho người dân 	Hàng tháng	

4.2.2 Đánh giá thí điểm hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi nâng cấp

Vào năm 2015, xã sẽ phối hợp với Hạt kiểm lâm để tiến hành rà soát và đánh giá hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi nâng cấp ở những khía cạnh sau: (1) kỹ thuật và tính khả thi về tài chính của hệ thống, và (2) so sánh chi phí và hiệu quả của hệ

thống theo dõi diễn biến rừng sau khi nâng cấp với các phương pháp khác bao gồm cả theo dõi diễn biến dựa vào hình ảnh vệ tinh.

(1) Khả năng kỹ thuật và tính khả thi về tài chính.

Phần lớn trách nhiệm trong hệ thống giám sát rừng hiện tại đều do kiểm lâm đảm nhận. Nhưng địa bàn quản lý của từng kiểm lâm lại rất rộng và có diện tích rừng lớn cần phải theo dõi trên địa bàn xã Mường Mươn. Vì vậy rất khó để triển khai hệ thống theo dõi rừng của tỉnh một cách chính xác và nhịp nhàng. Ngoài ra, trình độ kỹ thuật của kiểm lâm cũng rất khác nhau và vì vậy việc nâng cao năng lực có đủ trình độ cho đội ngũ này để họ thu thập được các thông tin chất lượng là điều rất cần thiết. Để đánh giá được tính khả thi về mặt kỹ thuật, cần phải tiến hành đánh giá độ chính xác của công tác tuần tra và báo cáo ngay từ cấp thôn bản. Trong quá trình này, cần sử dụng ảnh vệ tinh có độ phân giải cao để đánh giá độ chính xác của các hoạt động.

(2) Chi phí - Hiệu quả

Khi mô hình hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh sau khi nâng cấp hoàn toàn, để mô hình đó có thể áp dụng sang các địa phương khác trong tỉnh thì cũng cần phải kiểm tra tính khả thi về chi phí – hiệu quả của hệ thống này. Để đánh giá quá trình này, cần phải lên kế hoạch sử dụng ảnh vệ tinh độ phân giải cao để kiểm tra chéo với kết quả của hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh. Ảnh vệ tinh có độ phân giải cao sẽ giúp việc phát hiện những thay đổi rừng một cách chính xác và có thể bao quát toàn bộ địa bàn thí điểm như những gì quan sát được ở thực tế. Như vậy, hệ thống này có thể được sử dụng để thẩm định số liệu thực địa trong hệ thống theo dõi diễn biến rừng của tỉnh. Và như vậy, có thể so sánh chi phí thực hiện hệ thống theo dõi diễn biến rừng của tỉnh với chi phí mua ảnh và số liệu vệ tinh. Việc mua ảnh và số liệu vệ tinh và cách thức khai thác số liệu đó cần phải được xác định và cân nhắc xem liệu có kinh phí để mua không và ảnh và số liệu vệ tinh có sẵn để bán không.

Trong hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi nâng cấp, thì suy thoái rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng không phải là đối tượng cần theo dõi. Các chính sách hiện hành của chính phủ về theo dõi diễn biến rừng không yêu cầu việc theo dõi trạng thái rừng. Về mặt kỹ thuật, việc đo đạc và đánh giá trạng thái rừng (suy thoái và phục hồi) đòi hỏi phải có chuyên môn cao bởi vì đánh giá chất lượng rừng liên quan tới việc đo đếm tại các ô mẫu khảo sát. Tuy nhiên, suy thoái rừng và phục hồi rừng đang diễn ra trên diện rộng và là thách thức cơ bản trong công tác quản lý rừng tại địa bàn thí điểm. Vì vậy, khả năng và tính khả thi của hoạt động theo dõi diễn biến chất lượng rừng nên được tìm hiểu và đánh giá trước giữa năm 2015.

Các bài học kinh nghiệm từ việc đánh giá trên sẽ đóng góp vào việc chỉnh sửa hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh.

Kế hoạch theo dõi diễn biến rừng được trình bày trong Bảng 2, Phụ lục 1.

4.3 Giải pháp về phát triển sinh kế cho người dân thông qua các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và các hoạt động sản xuất khác

Các hỗ trợ phát triển sinh kế theo Kế hoạch phát triển sinh kế thôn bản nên được thực hiện theo các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Chỉ người dân cam kết tham gia bảo vệ rừng và/hoặc phát triển rừng như quy định trong Kế hoạch quản lý rừng của bản thì mới được nhận hỗ trợ phát triển sinh kế. Ngoài ra, quy ước/giao khoán với người dân cũng phải nêu rõ khi

người dân cam kết bảo vệ rừng thì họ mới được tham gia vào các hoạt động phát triển sinh kế.

- Các hoạt động phát triển sinh kế không được gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh và tài nguyên thiên nhiên.
- Không chỉ tăng thu nhập và tăng sản lượng lương thực mà các hoạt động đó cần xét đến khả năng giảm thiểu nguồn lực và chi phí đầu vào.
- Người dân đóng vai trò trung tâm trong việc lập kế hoạch để thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động sinh kế mà họ đảm nhận.
- Phát triển sinh kế không chỉ tập trung vào hỗ trợ kinh phí mà còn bao gồm nâng cao năng lực và nâng cao nhận thức cho người dân và các bên có liên quan khác.
- Các hoạt động hỗ trợ cần được thực hiện công khai, minh bạch và xem xét yếu tố công bằng xã hội.
- Nên lựa chọn các hoạt động phát triển sinh kế phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội trong xã và bản. Vì có tới 11 bản trong xã nên khi chọn các hoạt động phát triển sinh kế để hỗ trợ cần phải xem xét cẩn thận hiệu quả thực hiện.
- Hỗ trợ phát triển sinh kế nên thúc đẩy cộng đồng sử dụng các nguồn lực sẵn có tại địa phương.
- Cần xem xét kỹ thị trường, các rủi ro, các khoản đầu tư cần thiết và chi phí và lợi ích trước khi lựa chọn hoạt động.

Hỗ trợ cho người dân thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Phân tích các nguồn lực sẵn có và các hoạt động sinh kế hiện có tại bản.

Bước 2: Xây dựng Kế hoạch phát triển sinh kế dựa vào bản.

Bước 3: Thành lập các nhóm sở thích, phân tích từng hoạt động được đề xuất trong kế hoạch và xây dựng các quy ước hoạt động của nhóm.

Bước 4: Hướng dẫn người dân xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết hàng năm của từng nhóm sở thích.

Bước 5: Hướng dẫn, tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật để người dân thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế trong quá trình thực hiện.

Bước 6: Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế.

Bước 7: Khuyến khích và thúc đẩy việc chi trả vào quỹ của bản trong trường hợp sử dụng theo hình thức vay vốn quy mô nhỏ hoặc quay vòng con giống/nguyên vật liệu cho hộ tiếp theo trong trường hợp quay vòng con giống. Sau đó, sẽ cho các hộ khác trong bản vay tiếp.

Có 13 hoạt động phát triển sinh kế dự kiến sẽ được thực hiện ở xã Mường Mươn. Hoạt động phổ biến nhất là nuôi gà, trồng cây ăn quả, trồng tre bát độ, sử dụng bếp cải tiến (được thực hiện ở 8 bản) và các hoạt động khác như nuôi dê (5 bản), nuôi lợn (4 bản) và trồng nấm và làm hầm bioga.

Bảng 4.1 Danh mục các hoạt động phát triển sinh kế được thực hiện tại từng bản

Hoạt động	Huổi Ho	Huổi Meo	Huổi Nhả	Huổi Vàng	Kết Tinh	
Nuôi lợn				○		
Nuôi dê	●	●	●		●	
Nuôi gà	○	○		●		
Nuôi cá						
Cây ăn quả	○	○	○	○	○	
Tre bát độ		○		○	○	
Rau						
Nấm				●		
Bếp cải tiến	●	●	●	●	●	
Hồ bi ô ga				○		
Khoai tây						
Dong riềng						
Ngô						
Hoạt động	MM1	MM2	Pú Múa	P.G 1	P.G 2	Cộng
Nuôi lợn	●			●	●	4
Nuôi dê			●			5
Nuôi gà	●	●	○	●	●	8
Nuôi cá		●				1
Cây ăn quả	○		○		○	8
Tre bát độ	○	○	○	○	○	8
Rau			●			1
Nấm		○				2
Bếp cải tiến	●		●	●		8
Hồ bi ô ga	●					2
Khoai tây	○					1
Dong riềng				○		1
Ngô				○		1

Ghi chú: (1) "●": từ năm 2013; "○": từ năm 2014

(2): Kế hoạch các hoạt động phát triển sinh kế sẽ được điều chỉnh bổ sung trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Các hoạt động trồng trọt và chăn nuôi đều có một số rủi ro nhất định. Ví dụ như, dịch bệnh ở động vật nói chung, dịch tai xanh ở lợn, cúm gia cầm ở gà vịt, ... Cần phải áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh phù hợp.

Cơ cấu hỗ trợ cũng cần phải có do còn thiếu cán bộ khuyến nông, thú y xã tham gia vào các hoạt động. Thực tế, số lượng cán bộ khuyến nông làm việc ở cấp xã còn rất hạn chế, do đó cần đề nghị các ban bộ cấp huyện xuống xã hỗ trợ để đảm bảo cung cấp đủ các dịch vụ khuyến nông cho người dân.

Cần phải thiết lập một hệ thống quản lý quay vòng nguồn vốn để thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế. Việc quản lý nguồn vốn của bản thông qua Ban QLR&PTSK là một yếu tố quan trọng để thực hiện các hoạt động trong hệ thống này. Ngoài ra, cũng cần phải có sự theo dõi giám sát của UBND và cán bộ xã về việc sử dụng quỹ bản, thông qua các báo cáo tài chính thường kỳ của các Ban QLR&PTSK.

Như đã đề cập trong phần Nhiệm vụ trọng tâm 3.3, các mô hình tăng cường phát triển sinh kế nên được xác định trước giữa năm 2015 thông qua thực hiện thí điểm để sau đó sẽ áp dụng sang các xã khác địa bàn toàn tỉnh. Do vậy, cần phải xem xét và đánh giá kết quả của các hoạt động phát triển sinh kế trong xã trước giữa năm 2015.

Sau năm 2016, mô hình phát triển sinh kế này sẽ tiếp tục được thực hiện trên địa bàn xã đến năm 2020.

Kế hoạch các hoạt động phát triển sinh kế được trình bày tại bảng 3 phụ lục 1.

4.4 Giải pháp về thiết lập và tăng cường khung thể chế cho hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế có xem xét các hoạt động REDD+

4.4.1 Thiết lập và tăng cường cơ khung thể chế cấp xã

Ở cấp xã, Ban chỉ huy những vấn đề cấp bách về Bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng (Ban chỉ huy xã) sẽ đóng vai trò trung tâm trong công tác quản lý thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã. Do vậy, cần bổ sung thêm các chức năng sau đây vào vai trò và trách nhiệm hiện tại của Ban chỉ huy xã, và Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của các bản phải hiểu rõ chức năng này.

1) Thực thi Kế hoạch hành động REDD+ của xã để thúc đẩy việc quản lý rừng bền vững trên địa bàn xã;

2) Hướng dẫn và hỗ trợ thành lập và vận hành của Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế ở các bản;

3) Hướng dẫn và trợ giúp công việc chuẩn bị Kế hoạch quản lý rừng dựa vào thôn bản; và Kế hoạch Phát triển sinh kế;

4) Thảo luận với UBND xã để lồng ghép Kế hoạch hành động REDD+ với các dự án có liên quan trên địa bàn xã để đạt được các mục tiêu đã nêu trong Kế hoạch Hành động REDD+ của xã;

5) Báo cáo cho UBND xã kết quả theo dõi và thông tin cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp;

6) Rà soát và điều chỉnh lại Kế hoạch hành động REDD+ của xã;

7) Định kỳ sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã; và

8) Định kỳ tổng hợp, báo cáo lên Ban chỉ đạo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng cấp huyện.

Thành viên trong Ban chỉ huy xã bao gồm:

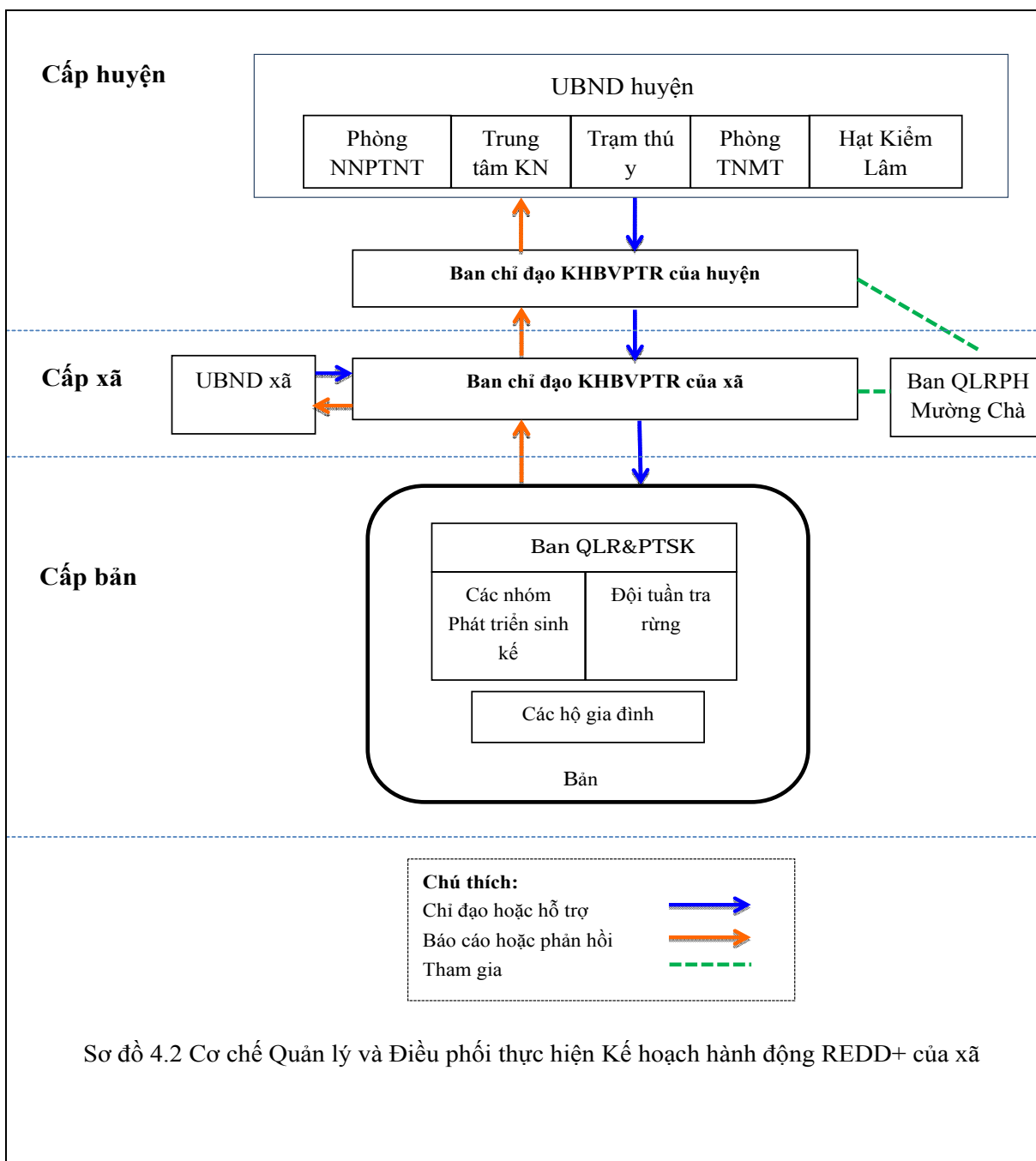
- Đại diện UBND xã làm Trưởng ban;
- Kiểm lâm địa bàn làm Phó ban;
- Các thành viên khác là đại diện của Đảng ủy xã, tổ bảo lâm xã, cán bộ địa chính, cán bộ khuyến nông, cán bộ phụ trách nông nghiệp, lâm nghiệp và công an xã và các trưởng bản. Đại diện cấp huyện như UBND huyện và Ban Quản lý rừng đặc dụng có thể là quan sát viên tham dự các cuộc họp định kỳ.

Tuy nhiên, do thiếu nhân lực như cán bộ khuyến nông trong xã vì vậy rất khó để triển khai các hoạt động tuyên truyền về quản lý rừng và phát triển sinh kế ở tất cả các bản khi mà chỉ có cán bộ xã. Vì vậy, cần phải xây dựng một hệ thống hỗ trợ với các

cán bộ ở các phòng ban chuyên môn cấp huyện. Vì số lượng cán bộ xã có hạn nên rất khó để cán bộ xã có thể hỗ trợ tất cả các bản trong việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện. Do vậy, các ban ngành có liên quan ở cấp huyện như Hạt kiểm lâm, Phòng nông nghiệp, Trạm thú y, Trạm khuyến nông cũng nên tham gia hỗ trợ các hoạt động ở dưới bản.

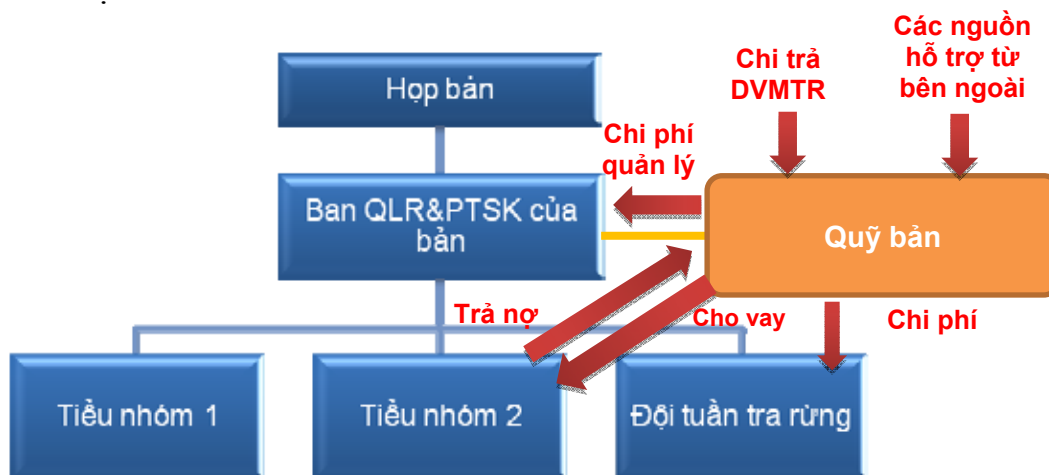
- Trong các hoạt động quản lý rừng, không chỉ có các kiểm lâm địa bàn thuộc Hạt kiểm lâm phụ trách các xã mà còn có các cán bộ của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà cũng cần phải tham gia vào nhóm hỗ trợ này.
- Đối với các hoạt động phát triển sinh kế, các cán bộ của Phòng nông nghiệp, Trung tâm Khuyến nông, Trạm thú y cũng cần phải hỗ trợ người dân.

Cơ chế Quản lý và Điều phối thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ của xã được trình bày trong sơ đồ 4.2 dưới đây.



4.4.2 Thiết lập và tăng cường khung thể chế

Khung thể chế thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã tại cấp bản được minh họa theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 4.3 Khung thể chế thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã tại cấp bản

Mỗi bản sẽ thành lập một Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế để quản lý và điều phối các hoạt động phát triển sinh kế và quản lý rừng trên địa bàn bản. Trường hợp hội đồng bản đã có một đơn vị có chức năng chuyên về quản lý rừng, thì có thể sử dụng chính đơn vị đó để tổ chức và điều phối các hoạt động. Nhiệm vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của bản như sau:

1. Điều phối các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế;
2. Đảm bảo tất cả các quy định và kế hoạch về quản lý rừng của bản được người dân thực hiện nghiêm túc;
3. Điều phối để thành lập các nhóm nhỏ theo các hoạt động sinh kế chủ đạo như chăn nuôi;
4. Đảm bảo tất cả các hoạt động sinh kế trong bản được thực hiện theo đúng kế hoạch và quy định đã đề ra cũng như các yêu cầu kỹ thuật;
5. Đảm bảo hệ thống quay vòng con giống hoạt động hiệu quả;
6. Vận hành và quản lý việc sử dụng Quỹ bản;
7. Phối hợp với UBND xã trong việc xử lý vi phạm trong quản lý rừng hoặc các quy định liên quan tới phát triển sinh kế; và
8. Phối hợp với UBND xã và cán bộ kiểm lâm địa bàn;

Điều quan trọng là phải xác định rõ vai trò và chức năng của Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế của bản.

Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế của bản gồm các thành viên sau:

1. *Trưởng ban:* Quản lý và chỉ đạo thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế, và quản lý quỹ bản.
2. *Phó ban:* Giúp trưởng ban quản lý các hoạt động, thay thế trưởng ban khi trưởng ban vắng mặt.
3. *Thư ký:* Ghi chép báo cáo, giữ quỹ.
4. *Kế toán:* Phụ trách sổ sách và báo cáo kế toán.

Tiếp đến, nên thành lập các nhóm sở thích dựa trên các hoạt động phát triển sinh kế như nhóm nuôi gà, nhóm nuôi cá, nhóm trồng cây ăn quả... và họ sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động đó cũng như trách nhiệm trả nợ vào Quỹ bản nếu cần thiết. Ngoài ra, cần thành lập Đội tuần tra rừng để theo dõi các hoạt động bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng, và thực hiện một số phần việc trong theo dõi diễn biến rừng trong Hệ thống theo dõi rừng của tỉnh như đã đề cập trong phần 4.2.

Dự kiến, các nguồn thu chính của Quỹ bản sẽ từ các khoản tiền trả nợ vay và phí quản lý do người dân đóng góp khi thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế cũng như tiền từ Chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các hoạt động bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng. Ngoài ra, các khoản hỗ trợ đang có và có thể có từ Chính phủ, các đơn vị tài trợ, các tổ chức phi chính phủ... cũng có thể là những nguồn thu được sử dụng vào Quỹ bản.

Tiền trong quỹ bản có thể được sử dụng cho các mục đích sau, ví dụ:

- Chi phí quản lý cho Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của bản.
- Chi trả cho đội tuần tra rừng.
- Các hoạt động khác về quản lý rừng.
- Cải thiện cơ sở hạ tầng thông thường của bản.
- Cho vay vốn quy mô nhỏ để phát triển sinh kế.

Cách thức sử dụng nguồn quỹ này sẽ được Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của bản xem xét và quyết định.

Bảng 4 Phụ lục 1 mô tả các hoạt động và kế hoạch thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế ở cấp xã và cấp bản.

4.5 Giải pháp về nâng cao năng lực về quản lý rừng và phát triển sinh kế cho cán bộ xã và người dân

Phần này trình bày giải pháp thực hiện Nhiệm vụ trọng tâm 3.5 về nâng cao năng lực cho cán bộ xã và người dân.

4.5.1 Nâng cao nhận thức cho các cán bộ xã, người dân và các bên liên quan

- Tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức cho các cán bộ chủ chốt ở cấp xã, các cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện các hoạt động quản lý và bảo vệ rừng để họ hiểu sâu hơn về những tác động tiêu cực và những rủi ro tiềm ẩn do mất rừng và suy thoái rừng gây ra; quyền lợi và trách nhiệm, chi phí và lợi ích khi tham gia thực hiện REDD+; nội dung của Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh và cấp xã; các chính sách liên quan hiện hành; quản lý rừng có sự tham gia.

- Tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức cho người dân tại thôn bản để họ hiểu rõ hơn về những tác động tiêu cực và nguy cơ tiềm ẩn do mất rừng và suy thoái rừng gây ra; các hoạt động bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng; quyền và trách nhiệm, chi phí và lợi ích khi tham gia thực hiện REDD+; Nội dung của Kế hoạch Hành động REDD+ của xã. Các buổi hội thảo nâng cao nhận thức được tổ chức vào thời điểm nông nhàn để có nhiều thành viên tham dự nhất.

- Tổ chức các chuyên tham quan cho những đại diện tiêu biểu của chính quyền và người dân để họ học tập kinh nghiệm ở những nơi người dân đã làm tốt các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp giữa phát triển rừng với phát triển sinh kế.

- Liên quan tới các chủ đề trên, có thể lồng ghép các hình thức truyền thông như tờ rơi, đài, ti vi, áp phích, phóng sự, băng tin và sự kiện cộng đồng cho các hoạt động nâng cao nhận thức.

4.5.2 Nâng cao năng lực cho cán bộ xã, người dân và các bên liên quan

Các lớp tập huấn nên tổ chức theo các chủ đề nhưng cũng không giới hạn các chủ đề tập huấn trong bảng 4.2 dưới đây.

Bảng 4.2 Các chủ đề tập huấn và các ban ngành có liên quan

Chủ đề	Cán bộ huyện	Cán bộ BQLRP H Mương Chà	Kiểm lâm huyện	Cán bộ xã	BQL&PTSK bản	Đội tuần tra rừng	Các nhóm sinh kế nhỏ	Người dân giữ vai trò nông cốt
Kỹ năng xác định nhu cầu của người dân	X	X	X	X				
Các kỹ năng thuyết trình bao gồm lập kế hoạch có sự tham gia, thực hiện, theo dõi và đánh giá Kế hoạch quản lý rừng và Kế hoạch phát triển sinh kế	X	X	X	X				
Phương pháp giao và khoán rừng và đất lâm nghiệp có sự tham gia của người dân	X	X	X	X				X
Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng		X	X	X				
Kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng		X	X	X		X		X
Tuần tra bảo vệ rừng						X		X
Phương pháp và kỹ năng xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức cho các hoạt động sản xuất để áp dụng và thị trường của sản phẩm	X			X			X	X
Phân tích và đánh giá hiệu quả tài chính trong trồng trọt và chăn nuôi	X			X			X	X
Tập huấn chuyên đề liên quan đến trồng trọt, chăn nuôi..., ví dụ như: kỹ thuật trồng cây ăn quả, kỹ thuật chăn nuôi gà và các loại khác							X	
Cách thức quản lý của Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế cấp bản	X			X	X			
Cách thức quản lý quỹ bản	X			X	X			

Lưu ý: “Cán bộ huyện” là những cán bộ thuộc các ban ngành có liên quan ở cấp huyện.

Bảng 5 trong phần Phụ lục mô tả các hoạt động trong mục Giải pháp 4.5 về số lượng khoá tập huấn, kế hoạch và trách nhiệm của các bên.

IV. Tổ chức thực hiện

Phần này nêu lên các tổ chức tham gia thực hiện và trách nhiệm của họ trong việc thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã, như sau:

(1) UBND huyện

- Hỗ trợ quản lý việc thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã;
- Cử các cán bộ khuyến nông, thú y và các cán bộ khác của phòng Nông nghiệp huyện và Kiểm lâm địa bàn xuống xã để hỗ trợ thực hiện các hoạt động.

(2) Ban chỉ đạo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng cấp huyện (Ban chỉ đạo cấp huyện)

- Giám sát việc thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ cấp xã; và
- Cố vấn và hỗ trợ hướng dẫn thực hiện cho Ban chỉ huy xã.

(3) Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà

- Hỗ trợ Ban chỉ huy xã và người dân trong việc thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã, xây dựng nhóm hỗ trợ trong đó Ban quản lý này có thể cử cán bộ xuống xã để hỗ trợ và hướng dẫn phương pháp thực hiện các hoạt động về quản lý rừng; và

- Ký hợp đồng với các hộ gia đình, cá nhân để bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng trên diện tích đã giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà.

(4) Ủy ban nhân dân xã

- Hỗ trợ quản lý và thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã; và
- Sắp xếp nhân sự phù hợp vào Ban chỉ huy xã

(5) Ban chỉ huy các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng cấp xã (Ban chỉ huy xã)

Trách nhiệm của Ban chỉ huy xã đã được nêu trong mục “4.4.1 thiết lập và tăng cường cơ cấu tổ chức cấp xã” trong “III, Kế hoạch hành động REDD+ cấp xã.

(6) Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế cấp bản

Kiểm lâm địa bàn với tư cách là người cố vấn, phải hỗ trợ Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế của bản trong việc thực hiện các hoạt động về quản lý rừng;

Các hộ gia đình phải có trách nhiệm phối hợp với nhau trong từng hoạt động đã nêu trong kế hoạch. Mỗi bản trong Kế hoạch Hành động REDD+ của xã phải có trách nhiệm hỗ trợ cho một hoạt động để đạt được kết quả thành công;

Trách nhiệm của Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế cấp bản đã được đề cập trong mục “4.4.2 Thiết lập và tăng cường cơ cấu tổ chức cấp bản” trong “III. Kế hoạch Hành động REDD+ cấp xã.

V. Chi phí và nguồn vốn thực hiện kế hoạch

1. Chi phí cần thiết để thực hiện kế hoạch

Bảng 5.1 Chi phí cần thiết cho thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng

Đơn vị tính: 1.000 đ

TT	Hạng mục	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Cộng
1	Tổng chi phí bảo vệ rừng	1.045.300	1.571.742	1.571.742	1.571.742	1.577.742	1.581.742	1.591.742	1.601.742	12.113.494
a)	Rừng phòng hộ	533.900	543.700	543.700	543.700	549.700	553.700	563.700	573.700	4.405.800
b)	Rừng sản xuất	511.400	1.028.042	1.028.042	1.028.042	1.028.042	1.028.042	1.028.042	1.028.042	7.707.694
2	Tổng chi phí khoanh nuôi tái sinh				57.500	66.000	66.000	66.000	66.000	321.500
3	Tổng chi phí trồng rừng	249.000	49.000	298.000	298.000	381.000	49.000	577.000	-	1.901.000
a)	Trồng rừng phòng hộ	249.000	-	249.000	249.000	332.000	-	332.000	-	1.411.000
b)	Trồng rừng sản xuất	-	49.000	49.000	49.000	49.000	49.000	245.000	-	490.000
4	Tổng chi phí chăm sóc rừng	73.500	90.000	66.000	135.000	156.000	231.000	133.000	180.000	1.064.500
a)	Rừng phòng hộ	73.500	90.000	66.000	135.000	156.000	231.000	133.000	180.000	1.064.500
b)	Rừng sản xuất	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Tổng chi phí trồng cây phân tán	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	264.000

Ghi chú: Kinh phí ước tính chưa tính đến chi phí nhân công

Bảng 5.2 Chi phí cho thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế¹

TT	Hoạt động hỗ trợ	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Cộng
I	Hỗ trợ trực tiếp	841.000	117.500	10.000	220.000	-	-	-	-	1.188.500
1	Bếp tiết kiệm củi									
	Khối lượng (số hộ tham gia)	100	200	200						500
	Mức hỗ trợ (1000 đ)	50	50	50						
	Thành tiền (1000đ)	5.000	10.000	10.000						25.000
2	Chăn nuôi (con giống)									
	Khối lượng (số hộ tham gia)	220								220
	Mức hỗ trợ (1000 đ)	2.800								
	Thành tiền (1000đ)	616.000								616.000
3	Chăn nuôi (vật liệu)									
	Khối lượng (số con giống)	220								220
	Mức hỗ trợ (1000 đ)	1.000								
	Thành tiền (1000đ)	220.000								220.000
4	Chăn nuôi (trồng cỏ)									
	Khối lượng (số hộ tham gia)		500							500
	Mức hỗ trợ (1000 đ)		100							
	Thành tiền (1000đ)		50.000							50.000
5	Trồng cây ăn quả									
	Khối lượng (số hộ tham gia)		350							350
	Mức hỗ trợ (1000 đ)		100							
	Thành tiền (1000đ)		35.000							35.000
6	Trồng rau									
	Khối lượng (số hộ tham gia)		450							450
	Mức hỗ trợ (1000 đ)		50							
	Thành tiền (1000đ)		22.500							22.500
7	Sản xuất nông sản hàng hoá				220.000					220.000
II	Hỗ trợ gián tiếp	400.000	66.000	-	374.000	22.000	22.000	22.000	22.000	928.000
1	Tập huấn tại chỗ									
	Số lớp học	110	33		22	11	11	11	11	209
	Chi phí cho một lớp	2.000	2.000		2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	
	Thành tiền (1000đ)	220.000	66.000		44.000	22.000	22.000	22.000	22.000	418.000
2	Tham quan, học tập									
	Số chuyến	22								22
	Thành tiền (1000đ)	180.000								180.000

¹ Được tính toán dựa trên cơ sở các hoạt động đầu tư phát triển sinh kế đã được Dự án SUSFORM-NOW thực hiện

3	Hỗ trợ tìm hiểu thị trường, sản xuất thử nghiệm, đăng ký và tiêu thụ sản phẩm				330.000					330.000
	Tổng số	1.241.000	183.500	10.000	594.000	22.000	22.000	22.000	22.000	2.116.500

Ghi chú: Kinh phí ước tính chưa tính đến chi phí nhân sự

2. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn vốn để thực hiện từng hoạt động bảo vệ và phát triển rừng được mô tả trong bảng dưới đây.

Bảng 5.3 Nguồn kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng

Đơn vị tính: 1.000 VND

TT	Hoạt động	Kinh phí cần có để thực hiện kế hoạch	Nguồn và lượng ngân sách có thể cấp		Cân đối (ngân sách có thể - kinh phí cần có)	Nguồn hỗ trợ có thể thu hút được
			Ngân sách nhà nước	Quỹ BV&PTR		
	Tổng chung	17.780.994	3.229.500	12.434.994	-2.116.500	Hỗ trợ của Nhà nước và tổ chức quốc tế, bao gồm Quỹ REDD+
<i>I</i>	<i>Bảo vệ và phát triển rừng</i>	<i>15.664.494</i>	<i>3.229.500</i>	<i>12.434.994</i>	0	
1	Bảo vệ rừng	12.113.494	0	12.113.494	0	
2	Khoanh nuôi tái sinh	321.500	0	321.500	0	
3	Trồng và chăm sóc rừng phòng hộ	2.475.500	2.475.500	0	0	
4	Trồng và chăm sóc rừng sản xuất	490.000	490.000	0	0	
5	Trồng cây phân tán	264.000	264.000	0	0	
<i>II</i>	<i>Phát triển sinh kế</i>	<i>2.116.500</i>	0	0	-2.116.500	
1	Hỗ trợ trực tiếp	1.188.500	0	0	-1.188.500	
2	Hỗ trợ gián tiếp	928.000	0	0	-928.000	

3. Giải pháp đối với vốn và nguồn vốn

So với lượng tiền cần thiết tổ chức thực hiện kế hoạch hành động thì các nguồn ngân sách hiện tại cung cấp được 88,1% (tương ứng với 15,664 tỷ đồng). Như vậy lượng ngân sách còn thiếu là 11,9% (tương ứng với 2,116 tỷ đồng). Một trong những giải pháp chính để khắc phục sự thiếu hụt về ngân sách là tìm kiếm thu hút các tài trợ. Ngoài ra, UBND xã có thể tìm kiếm các nguồn tài trợ khác thông qua tổ chức hội thảo và xây dựng một website quảng bá về tiềm năng của các hoạt động phát triển rừng trên địa bàn xã Mường Mươn, nhu cầu đầu tư.

VI. Theo dõi và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch

Hàng năm sẽ đánh giá các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế được thực hiện tại các bản, và khi xây dựng kế hoạch năm về quản lý rừng và phát triển sinh kế vào tháng 12 hàng năm thì phải dựa trên kết quả đánh giá của năm trước. Hoạt động theo dõi được tiến hành theo định kỳ hoặc đột xuất khi thấy cần thiết.

Kế hoạch Hành động REDD+ của xã sẽ được đánh giá vào năm 2015. Đặc biệt, dù các mục tiêu, khái niệm và phương pháp đặt ra trong kế hoạch có phù hợp hay không thì vẫn phải đánh giá tiến độ triển khai hoạt động. Sau đó, sẽ sửa đổi nội dung Kế hoạch Hành động REDD+ của xã nếu cần thiết. Việc đánh giá này cũng nhằm góp phần xây dựng các mô hình khả thi để có thể áp dụng sang các xã khác trên địa bàn toàn tỉnh. Ngoài ra, Kế hoạch Hành động REDD+ của xã sẽ được đánh giá tổng thể vào năm 2020, để chuẩn bị cho Kế hoạch REDD+ của xã trong giai đoạn tiếp theo bắt đầu từ năm 2021.

Ngoài đánh giá theo định kỳ vào năm 2015 và đánh giá cuối kỳ năm 2020 thì Kế hoạch Hành động REDD+ cấp xã này có thể được điều chỉnh lại bất cứ khi nào nếu có vấn đề phát sinh.

Phụ lục: Các hoạt động theo từng giải pháp

Bảng 1. Kế hoạch thúc đẩy bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng

Hoạt động	Kế hoạch thực hiện								Trách nhiệm	
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020		
Xác định ranh giới của các bản tại thực địa và trên bản đồ	X*	X							Sở NN&PTNT Phòng Nông nghiệp, Phòng tài nguyên Môi trường, Chi cục kiểm lâm Hạt Kiểm lâm, Ban QLRPH Mường Chà	
Làm rõ vị trí và ranh giới đất lâm nghiệp của xã ngoài thực địa và trên bản đồ	X	X								
Xác định những người đang quản lý hoặc sử dụng đất lâm nghiệp cũng như diện tích và ranh giới đất của họ (ngoài thực địa và trên bản đồ)		X								
Đơn giản hoá các thủ tục giao, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hoặc ký hợp đồng quản lý rừng		X								UBND huyện, UBND xã, Ban QLRPH MC, và người dân
Giới thiệu về các chính sách chi trả và lợi ích mà người dân sẽ nhận được khi họ thực hiện các hoạt động bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh, trồng và chăm sóc rừng	X	X								Ban QLRPH Mường Chà, UBND xã và người dân
Chuẩn bị kế hoạch bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh, trồng và chăm sóc rừng với sự tham gia của người dân	X	X								
Thực hiện các hoạt động bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh, trồng và chăm sóc rừng		X	X	X	X	X	X	X		Người dân

(*Hội thảo tập huấn này đã được tổ chức)

Bảng 2. Kế hoạch tổ chức hoạt động theo dõi diễn biến rừng

Hoạt động	Kế hoạch thực hiện								Trách nhiệm
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
Tăng cường các kỹ năng điều tra thực địa (GPS và GIS, phân tích và xác định loại rừng)	X			X			X		Hạt kiểm lâm, UBND xã
Tăng cường vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu (lưu trữ số liệu, phân tích và vận hành GIS, kiểm tra ngẫu nhiên)	X	X		X	X		X		
Tăng cường các kỹ năng cho người dân về việc ghi chép, báo cáo diễn biến rừng trên thực địa với sự phối hợp với BQLR&PTSK bản	X	X	X	X	X	X	X	X	

Bảng 3. Kế hoạch thúc đẩy trồng trọt, chăn nuôi và hoạt động sản xuất khác

Hoạt động	Kế hoạch thực hiện								Trách nhiệm
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
Xác định các nguồn lực sẵn có và các sản phẩm tiềm năng của bản	X	X							UBND xã và người dân
Lập kế hoạch phát triển sinh kế và xây dựng các quy định của thôn bản	X								
Phân tích tính khả thi của các hoạt động theo kế hoạch	X								
Lập kế hoạch khai thác chi tiết cho từng thôn bản	X								
Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các hoạt động phát triển sinh kế	X	X	X						
Triển khai các hoạt động sinh kế	X	X	X	X	X	X	X	X	Người dân

Bảng 4. Kế hoạch thiết lập và củng cố khung thể chế cho quản lý rừng và phát triển sinh kế

Hoạt động	Kế hoạch thực hiện								Trách nhiệm
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
Ban hành quyết định về chức năng, nhiệm vụ cho Ban chỉ huy xã		X							UBND xã
Ban chỉ huy xã chỉ đạo các hoạt động		X							UBND xã
Hỗ trợ việc thành lập Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế cấp bản và ra quyết định công nhận việc thành lập Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế cấp bản cũng như nhiệm vụ và chức năng của họ	X	X							UBND xã và Người dân
Thu thập và phân tích thông tin để làm rõ sự phù hợp, các bất cập, hiệu quả và tính bền vững của các cơ chế phối hợp, quản lý và giám sát các hoạt động tại cấp xã		X							UBND huyện, UBND xã và Người dân
Đánh giá kết quả các hoạt động được triển khai			X						

Bảng 5. Kế hoạch nâng cao năng lực về nhận thức, kỹ thuật và kiến thức về quản lý rừng và phát triển sinh kế cho các cán bộ xã, các bên liên quan và người dân

Hoạt động	Kế hoạch thực hiện								Trách nhiệm
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
Đào tạo về cách lập kế hoạch cho các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế cho các cán bộ xã và các bên liên quan	X*	X							Sở NN&PTNT, UBND huyện, Ban QLRPH Mường Chà
Đào tạo kỹ năng trong việc xác định nhu cầu của người dân	X	X							UBND xã
Tổ chức các hoạt động tham quan học tập cho đại diện của UBND xã và người dân		X	X						Sở NN&PTNT, UBND huyện, và UBND xã
Tập huấn về phân tích tài chính trong quản lý rừng và phát triển sinh kế cho người dân		X		X					UBND xã, UBND huyện
Tập huấn cho người dân về phương pháp theo dõi diễn biến rừng		X		X					Hạt kiểm lâm
Tập huấn về tuần tra và bảo vệ rừng cho người dân		X		X					
Tập huấn về kỹ thuật cho hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế cho người dân		X	X	X					UBND huyện, UBND xã

(*Hội thảo tập huấn này đã được tổ chức được một phần)